TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 227 /2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 313 /2026/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Mai Thị T sinh năm 1991

Số thẻ CCCD: 038191001511

Địa chỉ: Thôn Đ , xã H, tỉnh Thanh Hóa

2/ Anh Trần Ngọc T1 sinh năm 1988

Số thẻ CCCD: 038088012650

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H , tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Theo chị Mai Thị T và anh Trần Ngọc T1 trình bầy: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (cũ) nay thuộc xã H, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2021. Quá trình chung sống được hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp về tính cách nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Trong cuộc sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay cả hai người xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Mai Thị T và anh Trần Ngọc T1.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đức A (nam) sinh ngày 07/12/2021. Hai bên thống nhất giao cháu Trần Đức A cho chị Mai Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Trần Ngọc T1 có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung với chị Mai Thị T để nuôi cháu Trần Đức A mỗi tháng là: 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Trần Đức A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[4] Về công nợ: Hai bên không có nợ chung, nên không đề nghị giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Mai Thị T và anh Trần Ngọc T1 mỗi người phải nộp 150.000 đ lệ phí giải quyết việc dân sự. Hai bên thống nhất anh Trần Ngọc T1 chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Trần Ngọc T1.

- Về con chung: Hai bên thống nhất giao cháu Trần Đức A (nam) sinh ngày 07 /12 /2021 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Trần Ngọc T1 có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung với chị Mai Thị Thanh Đ nuôi con chung mỗi tháng là: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), khoản đóng góp được tính từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu Trần Đức A đủ 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận phân chia, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

- Về công nợ: Hai bên không có nợ chung.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Ngọc T1 và chị Mai Thị T mỗi người phải nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền anh Trần Ngọc T2 đã nộp tạm ứng lệ phí là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-Thanh Hoá, theo biên lai thu số: 0001450 ngày 17/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá sang phần lệ phí phải nộp của anh T2 và chị M. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 6-Thanh Hoá;
- Đương sự;
- UBND xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hoá
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương